**Tuần: 2**

 Môn: TV(HV)

 Tên bài: **cỏ, cọ**

Tiết: 15,16

 Ngày dạy: Ngày 12 tháng 9 năm 2023

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Phát triển năng lực ngôn ngữ:**

- Nhận biết thanh hỏi và dấu hỏi, thanh nặng và dấu nặng.

- Biết đánh vần tiếng có mô hình “âm đầu + âm chính + thanh”: cỏ, cọ.

- Nhìn hình, phát âm, tự tìm được tiếng có thanh hỏi, thanh nặng.

- Đọc đúng bài Tập đọc.

- Viết đúng các tiếng cỏ, cọ, cổ, cộ (trên bảng con).

**2. Phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên, cây cối.

- Khơi gợi óc tìm tòi, vận dụng những điều đã học vào thực tế.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

\*GV: SGK, SGV, bộ chữ, tranh ảnh, vật thực ,bảng cài,

 \* HS: SGK, bảng con, phấn, bút, vở Bài tập Tiếng Việt 1- tập 1

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

**Tiết 1**

|  |  |
| --- | --- |
|  **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Hoạt động mở đầu:** |  |
|  - Ổn định lớp, HS hát.  - GV GV giới thiệu | - Hát- HS theo dõi |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:** |
| **Hoạt động 1: Khám phá**  |
|  **1. Dạy tiếng cỏ:** |  |
| - GV đưa tranh bụi cỏ lên bảng. ***-*** *Đây là cây gì?* | - HS quan sát- HS : Đây là bụi cỏ. |
| ***-*** *GV viết lên bảng tiếng* ***cỏ***- GV chỉ tiếng **cỏ** | - HS : Đây là bụi cỏ.- HS nhận biết tiếng **cỏ**- HS đọc cá nhân-tổ-cả lớp: **cỏ** |
| ***\* Phân tích*** |  |
| + GV che dấu hỏi ở tiếng **cỏ** rồi hỏi: Ai đọc được tiếng này? | - HS đọc: **co** |
| - GV chỉ vào chữ **cỏ,** nói đây là một tiếng mới. So với tiếng **co** thì tiếng này có gì khác?- Đó là dấu hỏi chỉ thanh hỏi- GV đọc : **cỏ**- GV chỉ tiếng **cà** kết hợp hỏi: Tiếng **cỏ** gồm có những âm nào? Thanh nào?- GV cho HS nhắc lại | - Có thêm dấu trên đầu- HS cá nhân – cả lớp : **cỏ**- Tiếng **cỏ** gồm có âm **c** và âm **o**. Âm c đứng trước, âm **o** đứng sau, dấu hỏi đặt trên **o**.- HS cả lớp nhắc lại |
| ***\* Đánh vần.***- tiếng co có thêm dấu hỏi, ta đánh vần như thế nào?- Giáo viên hướng dẫn cả lớp vừa nói vừa thể hiện động tác tay: ( như sách hướng dẫn GV)- GV cùng 1 tổ học sinh đánh vần lại với tốc độ nhanh dần: ***co-hỏi-cỏ***- Bây giờ chúng ta gộp bước đánh vần tiếng **co** với bước đánh vần tiếng **cỏ** làm một cho gọn.  | - HS: **co-hỏi-cỏ**- Quan sát và cùng làm với GV- Cá nhân, tổ nối tiếp nhau đánh vần: ***co-hỏi-cỏ***- Cả lớp đánh vần: ***co-hỏi-cỏ.***  |
| - GV giới thiệu mô hình tiếng **cỏ**

|  |  |
| --- | --- |
| **cỏ** | **c-o-co-hỏi-cỏ** |
| **c** | **ỏ** |

 | - Lắng nghe |
| - GV chỉ từng kí hiệu trong mô hình, đánh vần tiếng **c-o-co-hỏi-cỏ.** | - HS (cá nhân, tổ, cả lớp) : **c-o-co-hỏi-cỏ.** |
|  **2. Dạy tiếng cọ:** |  |
| - GV đưa tranh con cá lên bảng. - Đây là cây gì?- GV viết lên bảng tiếng **cọ**- GV chỉ tiếng **cọ** | - HS quan sát- HS : Đây là cây cọ- HS nhận biết tiếng **cọ** - HS đọc CN-tổ-cả lớp: **cọ** |
| ***\* Phân tích*** |  |
| - GV hỏi: tiếng cọ khác tiếng cỏ ở dấu thanh gì? - Đó là dấu nặng chỉ thanh nặng- GV đọc : **co- nặng – cọ/ cọ**- Tiếng **cọ** gồm có những âm nào? Thanh nào?- GV: Tiếng **cỏ** khác tiếng **cọ** ở thanh gì? | - HS :cọ có dấu nặng, cỏ có dấu hỏi.- HS đánh vần và đọc trơn - Tiếng **cọ** gồm có âm **c** đứng trước, âm **o** đứng sau, dấu nặng đặt dưới âm **o**.- Tiếng **cỏ** có thanh hỏi, tiếng **cọ** có thanh nặng. |
| ***\* Đánh vần.***-Tiếng co có thêm dấu nặng, ta đánh vần như thế nào?- Giáo viên hướng dẫn cả lớp vừa nói vừa thể hiện động tác tay: (như sách hướng dẫn gv)- GV cùng 1 tổ học sinh đánh vần lại với tốc độ nhanh dần: ***co-nặng-cọ*** | - HS: **co-nặng-cọ**- HS làm và phát âm cùng GV- Cá nhân, tổ nối tiếp nhau đánh vần: **co-nặng-cọ**- Cả lớp đánh vần: **co-nặng-cọ** |
| - HS đánh vần và đọc trơn tiếng cọ | -HS:cờ-o-co-nặng-cọ/cọ |
| ***\* Củng cố:*** - Các em vừa học dấu mới là dấu gì?- Các em vừa học các tiếng mới là tiếng gì?- GV chỉ mô hình tiếng **cỏ, cọ** | - Dấu huyền, dấu sắc - Tiếng **cỏ, cọ**- HS đánh vần, đọc trơn : **c-o-co-hỏi-cỏ, c-o-co-nặng-cọ.** |
| **3.Hoạt động luyện tập thực hành:** |
|  ***1. Mở rộng vốn từ. (BT2: Đố em: Tiếng nào có thanh hỏi?)*** |  |
| *a. Xác định yêu cầu.*- GV nêu yêu cầu của bài tập: Nói to tên các con vật, cây, sự vật có thanh hỏi; nói nhỏ tên các con vật, cây, sự vật không có thanh hỏi. | - Học sinh lắng nghe  |
| *b. Nói tên sự vật*- GV chỉ từng hình theo số thứ tự mời học sinh nói tên từng sự vật.- GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn yêu cầu cả lớp nói tên tên từng sự vật.*d. Báo cáo kết quả.*- GV cho từng cặp học sinh báo cáo kết quả theo nhóm đôi.(các hình còn lại tương tự) | - HS lần lượt nói tên từng con vật: *hổ, mỏ, thỏ, bảng, võng, bò*- HS lần lượt nói một vài vòng+ HS1 chỉ hình 1- HS2 nói to : **hổ**+HS 2.............. |
| - GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn, bất kì, mời học sinh báo cáo kết quả. | - HS báo cáo cá nhân |
| - GV cho HS làm bài vào vở Bài tập- GV đố học sinh tìm 3 tiếng có thanh hỏi  | - HS cả lớp nối hình với âm tương ứng.- HS nói (tỏi, sỏi, mỏi,...)- HS tìm |
|  ***2. Mở rộng vốn từ. (BT3: Đố em: Tìm tiếng có thanh nặng)*** |  |
| *a. Xác định yêu cầu.*- GV nêu yêu cầu của bài tập: Vừa nói vừa vỗ tay tên các con vật, cây, sự vật có thanh nặng. | - Học sinh lắng nghe yêu cầu bài tập |
| *b. Nói tên sự vật*- GV chỉ từng hình theo số thứ tự mời học sinh nói tên từng sự vật.- GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn yêu cầu cả lớp nói tên tên từng sự vật.*d. Báo cáo kết quả.*- GV cho từng cặp học sinh báo cáo kết quả theo nhóm đôi.( các hình còn lại tiến hành tương tự) | - HS lần lượt nói tên từng con vật: *ngựa, chuột, vẹt, quạt, chuối, vịt.*- HS lần lượt nói một vài vòng+ HS1 chỉ hình 1- HS2 vỗ tay nói : **ngựa** |
| - GV chỉ từng hình theo thứ tự đảo lộn, bất kì, mời học sinh báo cáo kết quả. | - HS báo cáo cá nhân |
| - GV cho HS làm bài vào vở Bài tập- GV đố học sinh tìm 3 tiếng ngoài bài có thanh nặng  | - HS cả lớp nối hình với âm tương ứng.- HS nói (lợn, cặp, điện thoại,...)- HS thi nhau tìm |
| **Tiết 2** |
|  ***3. Tập đọc:*** |  |
|  ***a. Luyện đọc từ ngữ:*** |  |
| - GV hướng dẫn học sinh đọc từ dưới nỗi hình | - HS đánh vần (hoặc đọc trơn) |
| - GV chỉ hình theo thứ tự đảo lộn yêu cầu HS đọc. | - HS (cả lớp – cá nhân) đọc |
|  |  |
| b. Giáo viên đọc mẫu: - GV đọc lại : ò...ó...o, cò, ô, cổ | - HS nghe |
|  ***c. Thi đọc cả bài:*** |  |
| - GV tổ chức cho học sinh thi đọc theo cặp, | - HS tham gia thi đọc |
| tổ, thi đọc cá nhân. |  |
| - GV cùng học sinh nhận xét |  |
| \* GV cho HS đọc lại những gì vừa học ở bài 5(dưới chân trang 15). | \* Cả lớp nhìn SGK đọc cả 4 chữ vừa học trong tuần: cỏ, cọ, cổ, cộ. |
|  ***4. Tập viết (Bảng con – BT 5)*** |  |  |
|  ***a. Viết :* cỏ, cọ, cổ, cộ** |  |
| - Yêu cầu HS lấy bảng con. - GV giới thiệu dấu hỏi và dấu nặng.- GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn quy trình viết.- Cho HS viết trên khoảng không- Cho HS viết bảng con- GV yêu cầu HS giơ bảng con- GV nhận xét | - HS lấy bảng- HS theo dõi- HS viết tiếng cỏ, cọ, cổ, cộ bằng ngón tay trỏ- HS viết bảng con- HS giơ bảng- HS theo dõi |
| **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp:**- GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.- Về nhà làm lại BT5 cùng người thân, xem trước bài 6.- GV khuyến khích HS tập viết **cỏ, cọ, cổ, cộ** trên bảng con. | - Lắng nghe |

**IV. Điều chỉnh sau bài học:**

…………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………